

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7-8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng

Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/01/2007 về việc chuyển đổi Công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Cao Bằng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800103442 được cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2007 và cấp lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103442 ngày 03 tháng 10 năm 2016 là 60.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: K028, phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0263.858.321

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày 31/12/2016 gồm:

Ông Nguyễn Xuân Hiền	Chủ tịch hội đồng thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/08/2016)
Bà Mông Thị Lan	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05/09/2016)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 06/09/2016)
Bà Nguyễn Kim Phượng	Kế toán trưởng	

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trong phạm vi phù hợp có trách nhiệm lập báo cáo tài chính điều chỉnh này theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Theo đó báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**

Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

---

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được ghi nhận một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Mông Thị Lan**

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

TR  
T  
T  
T



AUDIT, ACCOUNTING, FINANCE AND TAX  
MANAGEMENT CONSULTANT

Số: 06/2017/BCKT-COM.PT

COM.PT CO.,LTD  
32/203, Chua Boc Street, Dong Da  
District, Ha Noi  
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 6 2517 402  
Fax: (84-4) 6 2517 402  
Email: comptkiemtoan@gmail.com

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 của  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CAO BẰNG

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC**  
**Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/02/2017, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính")

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý Báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty không còn sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Thị Hòa

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Vũ Hoàng Giang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-69-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.590.791.283</b>	<b>37.942.988.773</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.964.801.407	3.320.676.969
1. Tiền	111		1.964.801.407	3.320.676.969
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.645.383.333	31.959.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	26.645.383.333	31.959.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		556.039.582	2.297.167.776
1. Phải thu của khách hàng	131	6	67.230.912	67.230.912
3. Phải thu nội bộ	133	8	2.196.268	2.196.268
4. Các khoản phải thu khác	135	9	687.034.706	2.428.162.900
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(200.422.304)	(200.422.304)
IV. Hàng tồn kho	140		249.701.740	281.585.532
1. Hàng tồn kho	141	11	249.701.740	281.585.532
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		174.865.221	84.558.496
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	59.939.857	69.633.132
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	114.925.364	14.925.364
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.594.304.641</b>	<b>20.459.246.728</b>
II. Tài sản cố định	220		31.072.003.851	20.106.969.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.313.222.716	2.638.313.896
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	28.758.781.135	17.468.655.499
V. Tài sản dài hạn khác	260		522.300.790	352.277.333
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	522.300.790	352.277.333
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>61.185.095.924</b>	<b>58.402.235.501</b>

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.859.896.658</b>	<b>4.720.282.626</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.281.891.158</b>	<b>4.212.277.126</b>
2. Phải trả người bán	312	17	909.192.286	1.232.754.056
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	137.186.838	821.792.483
5. Phải trả công nhân viên	315		615.162.022	641.728.206
6. Chi phí phải trả	316	19	4.286.053	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.275.517	1.275.517
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	21	2.203.852.400	933.852.400
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		410.936.042	580.874.464
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>578.005.500</b>	<b>508.005.500</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	20	578.005.500	508.005.500
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.325.199.266</b>	<b>53.681.952.875</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>56.325.199.266</b>	<b>53.681.952.875</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.375.680.721	49.857.680.721
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.949.518.545	3.824.272.154
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>61.185.095.924</b>	<b>58.402.235.501</b>

Người lập biểu

Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Phụng

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Mộng Thị Lan

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm nay

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu (01 = 01.1 + 01.2)</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>56.918.018.184</b>	<b>55.751.886.364</b>
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		56.814.381.822	55.664.613.636
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		2.012.463.636	1.281.209.092
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		-	-
1.1.3. Xổ số bóc	01.1.3		727.065.455	545.229.090
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		46.732.598.188	44.619.602.719
1.1.5. Xổ số điện toán	01.1.5		-	-
1.1.6. Xổ số lô tô cặp			7.342.254.543	9.218.572.735
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		103.636.362	87.272.728
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu (02=02.1+02.2)</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>7.410.571.535</b>	<b>7.260.601.800</b>
2.1. Giảm trừ Doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		7.410.571.535	7.260.601.800
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		262.495.257	167.114.230
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		-	-
2.1.3. Xổ số bóc	02.1.3		94.834.624	71.116.838
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		6.095.556.280	5.819.948.210
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5		-	-
2.1.6. Xổ số lô tô cặp	02.1.6		957.685.374	1.202.422.522
2.2. Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>49.507.446.649</b>	<b>48.491.284.564</b>
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10,1		49.403.810.287	48.404.011.836
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		1.749.968.379	1.114.094.862
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		-	-
3.1.3. Xổ số bóc	10.1.3		632.230.831	474.112.252
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		40.637.041.908	38.799.654.509
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5		-	-
3.1.6. Xổ số lô tô cặp	10.1.6		6.384.569.169	8.016.150.213
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10,2		103.636.362	87.272.728
<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>40.990.029.442</b>	<b>42.161.853.501</b>
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11,1		40.990.029.442	42.161.853.501
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1	25	32.535.005.255	33.867.679.693
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2	26	8.455.024.187	8.294.173.808
4.2. Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11,2		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>8.517.417.207</b>	<b>6.329.431.063</b>
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số (20.1 = 10.1 - 11.1)	20,1		8.413.780.845	6.242.158.335



Công ty TNHH Một thành viên Xô số Kiến thiết Cao Bằng  
 Địa chỉ: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao  
 Bằng, Tỉnh Cao Bằng.

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2 = 10.2 – 11.2)	20,2		103.636.362	87.272.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.136.379.668	2.158.534.812
7. Chi phí tài chính	22	28	27.855	1.055.432
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	9.244.309.011	8.172.016.884
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>409.460.009</b>	<b>314.893.559</b>
11. Thu nhập khác	31	30	112.399.952	183.007.702
12. Chi phí khác	32	31	-	6.353.009
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>112.399.952</b>	<b>176.654.693</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>521.859.961</b>	<b>491.548.252</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	104.371.992	108.140.615
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>417.487.969</b>	<b>383.407.637</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Mông Thị Lan

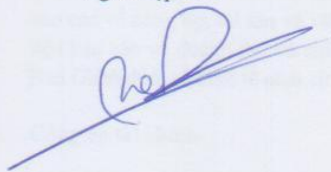
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		48.560.350.272	47.806.961.413
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(18.916.502.423)	(5.185.665.926)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.423.460.498)	(4.235.879.837)
Tiền chi trả lãi vay	04		(27.855)	(1.055.432)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(54.000.000)	(715.045.701)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.214.711.169	531.883.714
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.732.320.140)	(41.721.778.665)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.351.249.475)</b>	<b>(3.520.580.434)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21			(16.253.134.499)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	60.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(25.959.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		-	20.924.651.293
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44.459.000.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.018.373.913	862.720.790
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.477.373.913</b>	<b>(20.364.762.416)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.518.000.000	20.770.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			2.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(2.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.518.000.000</b>	<b>20.770.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.355.875.562)</b>	<b>(3.115.342.850)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.320.676.969</b>	<b>6.436.019.819</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>1.964.801.407</b>	<b>3.320.676.969</b>

Người lập biểu



Lê Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Mông Thị Lan

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/01/2007 về việc chuyển đổi Công ty Xổ số Kiến thiết thành Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Cao Bằng. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4800103442 được cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2007 cấp lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800103442 ngày 03 tháng 10 năm 2016 là 60.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn*).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động xổ số. Chi tiết: Phát hành các loại hình xổ số: Xổ số truyền thông, xổ số mục tiêu, xổ số bốc, xổ số cào, xổ số lô tô, các loại hình vui chơi có thưởng.

- Cho thuê xe có động cơ.
- Dịch vụ cho thuê xe du lịch.
- Cho thuê văn phòng, hội trường, ki ốt, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

***Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

***Cơ sở đo lường***

Báo cáo tài chính, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

***Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính***

Đơn vị tiền tệ kế toán Công ty áp dụng là đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày BCTC

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 22/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**3. KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính:*** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phải sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính mà chi phí phát sinh trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai, dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 28 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 09 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh